

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2017/DS-PT
Ngày: 28/9/2017
V/v tranh chấp “Hợp đồng dân
sự mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: - Ông Huỳnh Tài Đức
- Bà Ngô Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2017/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn K

Địa chỉ: Phường V, Thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1960. Chức vụ: Giám đốc.

HKTT: Phường V, Thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Dương Thanh N, sinh năm 1960 (theo giấy ủy quyền ngày 29/8/2017) (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1981 (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1980 (chồng chị N) (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

HKTT: Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3. NLQ3, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

HKTT: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Khu phố T, thị trấn H, huyện Đ, Kiên Giang.

Tạm trú: khu phố T, thị trấn S, huyện H, Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lưu Thị Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn (Công ty TNHH K) và những người đại diện theo ủy quyền của bà Đ trình bày:* Ngày 29/01/2015 chị Nguyễn Thị Cẩm N mua trả góp tại Công ty TNHH K 01 xe gắn máy Honda hiệu Lead (màu vàng nhạt), biển số 68.L1- 092.29, với giá 41.800.000 đồng, chị N trả trước 16.800.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng trả góp hàng tháng, lãi suất trong hạn 2%, thời gian góp là 12 tháng. Theo hợp đồng ngày 29 dương lịch hàng tháng chị N góp cho Công ty TNHH K số tiền 2.083.000 đồng. Từ ngày 29/01/2015 đến ngày 28/9/2015 chị N thanh toán cho Công ty TNHH K được 06 lần, tổng số tiền 12.310.000 đồng, còn lại 12.690.000 đồng thì ngưng không trả. Tính đến ngày 12/6/2017 chị N còn nợ Công ty TNHH K số tiền 17.960.000 đồng, trong đó nợ gốc 12.690.000 đồng, lãi là 5.270.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng chị N, NLQ1 trả cho Công ty TNHH K số tiền 17.960.000 đồng.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:* Do NLQ2 không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nên nhờ chị N đến Công ty TNHH K - Chi nhánh G đứng tên mua giùm 01 xe gắn máy Honda hiệu Lead, biển số 68.L1 - 092.29, giá trị xe là 41.800.000 đồng, NLQ2 đã đưa tiền cho chị N trả trước 16.800.000 đồng, còn lại 25.000.000 trả góp hàng tháng. Sau khi mua xe, mỗi tuần NLQ2 đưa tiền cho chồng chị N là NLQ1 để trả tiền cho Công ty TNHH K và đã góp xong trong thời gian 03 tháng. Sau khi góp xong, khoảng 2 đến 3 ngày sau thì NLQ3 là nhân viên của Công ty TNHH K chạy xe xuống nhà chị N nói là NLQ3 mang giấy chứng nhận đăng ký xe của chị N về định đưa cho chị N nhưng để quên trong túi, khi giặt đồ đã bị rách và chở chị N đến Công an huyện U để làm lại giấy tờ xe và đưa giấy hẹn cho chị N.

Nay chị N đã góp đủ tiền mua xe cho Công ty TNHH K và lấy giấy tờ xe đăng ký xe gốc nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- *NLQ1 trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của chị N về việc mua xe và đã góp đủ tiền cho Công ty TNHH K. NLQ3 là Thủ quỹ của Công ty TNHH K - Chi nhánh G, cũng là người trực tiếp thu tiền trả góp của anh. Sau khi anh trả góp xong số tiền nợ và nhận giấy tờ xe thì đầu tháng 11 năm 2015, nhân viên của Công ty TNHH K gọi điện cho NLQ1 nói là chưa trả đủ tiền mua xe và yêu cầu NLQ1 ra Công ty TNHH K để đối chiếu nợ. Ngày 21/11/2015 NLQ1 lên Rạch Giá khám bệnh, sau khi khám bệnh xong, anh có đến Công ty TNHH K để giải quyết việc anh đã góp đủ tiền nhưng phía Công ty TNHH K cho rằng NLQ1 vẫn còn nợ tiền mua xe.

Tại buổi làm việc, NLQ1 trình bày là đã góp đủ tiền mua xe cho Công ty TNHH K, NLQ3 là người trực tiếp thu tiền và đã nhận giấy tờ xe gốc. Nhưng lúc đó, NLQ3 không thừa nhận có thu tiền của NLQ1 mà cho rằng, có vay tiền của NLQ1 và còn nợ lại NLQ1 số tiền bằng đúng với số tiền NLQ1 còn nợ của Công ty TNHH K là 28.190.000 đồng. Nên Công ty TNHH K ép buộc NLQ1 phải ký vào giấy cam kết trả nợ nếu không sẽ khoá cửa không cho NLQ1 ra về, đồng thời bắt NLQ3 phải làm giấy nhận nợ còn thiếu lại NLQ1 số tiền 28.190.000 đồng. Vì đang bị viêm họng không nói được nhiều nên NLQ1 đành phải ký vào giấy cam kết trả nợ để được ra về.

Ngày 14/11/2016 NLQ1 làm đơn yêu cầu NLQ3 trả số tiền 13.595.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật (bằng với số tiền Công ty TNHH K yêu cầu NLQ1 trả).

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/6/2017 NLQ1 xin rút lại yêu cầu độc lập đối với NLQ3 và không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng đã góp đủ tiền mua xe cho Công ty TNHH K.

- *NLQ2 trình bày:* NLQ2 thống nhất theo lời trình bày của chị N về việc mua xe trả góp của Công ty TNHH K. Mỗi tuần NLQ2 đều có nhờ NLQ1 góp cho Công ty TNHH K 2.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh, nên trong 03 tháng đã góp xong cho Công ty TNHH K và đã nhận giấy tờ xe gốc.

- *NLQ3 trình bày:* Chị thống nhất theo lời trình bày của chị N và NLQ1 về việc mua xe. Trước đây khi NLQ3 còn là Thủ quỹ của Công ty TNHH K hàng tuần NLQ1 có đến Công ty TNHH K - chi nhánh G để trả góp tiền mua xe, NLQ3 là người trực tiếp thu tiền. Do hoàn cảnh khó khăn nên NLQ3 lấy số tiền này tiêu xài, dự định khi nào có tiền sẽ hoàn lại cho Công ty, nhưng chưa kịp hoàn lại thì bộ phận công nợ của Công ty TNHH Kiểm tra phát hiện NLQ1 còn nợ tiền mua xe nên yêu cầu ra Công ty TNHH K để đối chiếu nợ. Trong thời gian này NLQ3 có vay tiền theo hình thức trả góp của NLQ1, vì sợ Công ty phát hiện sẽ cho thôi việc nên NLQ3 không dám thừa nhận có thu tiền của NLQ1, chỉ thừa nhận còn thiếu tiền của NLQ1 bằng đúng với số tiền NLQ1 thiếu Công ty TNHH K.

Trước đây NLQ1 có mua của Công ty TNHH K - Chi nhánh G 02 xe Honda, cụ thể ngày 29/01/2015 mua xe hiệu Lead (do chị N đứng tên), đến ngày 18/6/2015 thì mua thêm 01 xe Honda hiệu Future FI, trong đó tiền mua xe Lead do chị N đứng tên, NLQ1 đã góp xong, còn tiền mua xe hiệu Future FI thì NLQ1 và NLQ3 thoả thuận là hàng tuần NLQ3 sẽ góp thay cho NLQ1, số tiền này sẽ trừ vào tiền

NLQ3 vay trả góp của NLQ1. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên sau đó NLQ3 cũng không có góp tiền mua xe hiệu Future FI thay cho NLQ1.

Vì vậy khi bộ phận công nợ của Công ty TNHH K kiểm tra thì phát hiện NLQ1 vẫn còn nợ của Công ty TNHH K tiền mua 02 xe gắn máy tổng cộng là 28.190.000 đồng, nên bắt NLQ1 phải ký vào giấy nhận nợ, đồng thời cũng bắt NLQ3 phải làm giấy thừa nhận còn nợ lại NLQ1 số tiền 28.190.000 đồng và cam kết trả cho NLQ1 mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Theo NLQ3 số tiền mua xe hiệu Lead do chị N đứng tên, NLQ1 đã góp tiền xong, NLQ3 là người trực tiếp thu tiền. Sau khi phát hiện sự việc, Công ty TNHH K đã cho NLQ3 thôi việc từ tháng 6/2016 nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán các chế độ bảo hiểm cho NLQ3 theo quy định pháp luật.

NLQ3 xin chịu trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH K số tiền 17.960.000 đồng, nhưng yêu cầu Công ty trừ vào số tiền bảo hiểm chưa thanh toán cho NLQ3, còn lại bao nhiêu NLQ3 sẽ trả cho Công ty, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn K đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hoá.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 đòi NLQ3 trả số tiền 13.595.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2017 bà Lưu Thị Đ là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Cẩm N đứng tên hợp đồng và NLQ1 là người đồng chịu trách nhiệm trong hợp đồng số 0059/H5 phải có trách nhiệm trả tiền cho Công ty TNHH K theo luật định; Bác bỏ quyết định của Tòa án sơ thẩm về việc buộc NLQ3 là người trả tiền mua xe cho Công ty TNHH K, bởi lý do Công ty TNHH K không có bất cứ hợp đồng mua bán hoặc thỏa thuận nào với bà NLQ3 như Tòa án đã nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Thanh N vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn K.

Phía bị đơn bà N và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã

tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty TNHH K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, các bên đều có lời khai trình bày thống nhất việc Công ty TNHH K có hợp đồng mua bán xe gắn máy Honda hiệu Lead (màu vàng nhạt), biển số 68.L1- 092.29, với giá 41.800.000 đồng cho vợ chồng NLQ1, chị N theo phương thức thanh toán trả tiền góp hàng tháng. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng chị N, NLQ1 trả cho Công ty TNHH K số tiền 17.960.000 đồng, trong đó nợ gốc 12.690.000 đồng, tiền lãi là 5.270.000 đồng; còn phía vợ chồng NLQ1, chị N cho rằng đã thanh toán xong tiền mua xe cho Công ty TNHH K và đã lấy bản gốc giấy tờ đăng ký xe nên không đồng ý theo yêu cầu của phía nguyên đơn.

[3] Căn cứ theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH K tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vẫn thừa nhận NLQ3 là nhân viên của công ty được giao nhiệm vụ thủ quỹ, chịu trách nhiệm bán hàng và tổng kết sổ sách cuối ngày và NLQ3 có quyền thu tiền xe trả góp của khách hàng (Bút lục 121). Lời khai của NLQ3 xác định khi chị còn làm Thủ quỹ của Công ty TNHH K, hàng tuần NLQ1 có đến Công ty TNHH K - chi nhánh G để trả góp tiền mua xe, NLQ3 là người trực tiếp thu tiền. Do hoàn cảnh khó khăn nên NLQ3 không có nộp số tiền này lại cho Công ty TNHH K, dự định khi nào có tiền sẽ hoàn trả lại cho Công ty và chị xác nhận NLQ1 đã góp xong tiền mua xe gắn máy Honda hiệu Lead do chị N đứng tên (Bút lục 96 - 98), như vậy, việc NLQ3 thu tiền của vợ chồng chị N, NLQ1 nhưng không giao nộp lại cho Công ty là trách nhiệm giữa Công ty với NLQ3, đây là lỗi của Công ty TNHH K không giám sát, kiểm tra nhân viên Công ty mình, trong khi về mặt giấy tờ xe đăng ký đứng tên quyền sở hữu đã chuyển sang tên chị N, NLQ1 xong. Căn cứ theo khoản 1 Điều IV Hợp đồng mua xe trả góp ngày 29/01/2015 giữa Công ty TNHH K với vợ chồng chị N, NLQ1 có quy định: “ Bên A (Bên mua) được nhận lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đã cầm cố sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với bên B (Bên bán)” (Bút lục 03). Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phía vợ chồng chị N, NLQ1 đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền mua xe Honda hiệu Lead cho Công ty TNHH K xong và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với vợ

chồng chị N, NLQ1 là hoàn toàn khách quan, phù hợp thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng.

Cho nên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Lưu Thị Đ là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm, phía Công ty TNHH K phải nộp 300.000 đồng do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn K đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa xe gắn máy.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 đòi NLQ3 trả số tiền 13.595.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn K phải nộp án phí giá ngạch bằng số tiền 898.000 đồng (Tám trăm chín mươi tám ngàn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Công ty đã nộp 332.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004978 ngày 10/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang, Công ty trách nhiệm hữu hạn K còn phải nộp tiếp số tiền 566.000 đồng (Năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho NLQ1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm NLQ1 đã nộp 340.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000867 ngày 14/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang,

- Án phí phúc thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn K phải nộp **300.000 đồng**, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006566 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện U;
- THA dân sự huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn